TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9 – CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2026/HNGĐ - ST.
Ngày: 09 – 02 – 2026.
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Bảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Văn Quân;

2. Bà Trần Thị Thanh Nhanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lý Thị Qual – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 – Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Lê Hồng Như - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 227/2025/TLST – HNGĐ, ngày 27 tháng 10 năm 2025, về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2026/QĐXXST- HNGĐ, ngày 13 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lâm Minh T, sinh năm 1980; địa chỉ: Ấp P, xã L, thành phố Cần Thơ; số Căn cước công dân: 094080020170, cấp ngày 09/8/2021; nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội (Có mặt).

2. Bị đơn: Bà Lý Thị Mỹ D, sinh năm 1994; địa chỉ: Ấp P, xã L, thành phố Cần Thơ; số Căn cước công dân: 094194009021; ngày cấp: 03/02/2023; nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 04/9/2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Lâm Minh T trình bày:

Vào năm 2012, ông Lâm Minh T và bà Lý Thị Mỹ D tự nguyện chung sống với nhau, sau đó có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, thành phố Cần Thơ vào ngày 27/3/2014. Thời gian đầu sau khi kết hôn, ông và bà D chung sống hạnh phúc nhưng thời gian gần đây thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cãi nhau, đời sống vợ chồng không hạnh phúc và đã sống ly thân từ năm 2024 cho đến nay. Trong thời gian chung sống ông, bà có 03 người con

chung là Lâm Gia B, sinh ngày 25/11/2013; Lâm Bảo M, sinh ngày 18/6/2017 và Lâm Thị Ngọc Y, sinh ngày 16/4/2010 hiện nay các con chung đang sống chung với ông T. Về tài sản chung và nợ chung không có.

Tại phiên tòa, ông Lâm Minh T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Về quan hệ hôn nhân xin được ly hôn với bà Lý Thị Mỹ D; về con chung thì ông xin được quyền trực tiếp nuôi dưỡng các con chung là Lâm Gia B, sinh ngày 25/11/2013; Lâm Bảo M, sinh ngày 18/6/2017 và Lâm Thị Ngọc Y, sinh ngày 16/4/2010 đến khi thành niên, không yêu cầu bà D cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung không có yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Đối với bị đơn bà Lý Thị Mỹ D:* Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án cho bà D, nhưng bà không có ý kiến phản đối gì. Tòa án đã triệu tập hợp lệ bà D để tham gia tố tụng tại phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà vẫn vắng mặt không lý do. Tòa án đã triệu tập hợp lệ bà D để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

- *Tại phiên toà, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 – Cần Thơ tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:*

Về tố tụng: Việc Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền; việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách của người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật; Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử; nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự riêng bị đơn chưa thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án giải quyết:

+ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Lâm Minh T.

+ Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Giao các người con chung là cháu Lâm Gia B, sinh ngày 25/11/2013; Lâm Bảo M, sinh ngày 18/6/2017 và Lâm Thị Ngọc Y, sinh ngày 16/4/2010 cho ông Lâm Minh T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến khi thành niên; bà Lý Thị Mỹ D không phải cấp dưỡng nuôi con chung do ông T chưa có yêu cầu. Dành quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung cho bà Lý Thị Mỹ D mà không ai được ngăn cản

+ Về tài sản chung: Ông Lâm Minh T xác định trong thời gian chung sống ông và bà Lý Thị Mỹ D không có tài sản chung, ông không có yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

+ Về nợ chung: Ông Lâm Minh T xác định trong thời gian chung sống ông và bà Lý Thị Mỹ D không có nợ chung, ông không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Lý Thị Mỹ D từ khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án cho bà D nhưng bà không có ý kiến phản đối gì. Tòa án đã triệu tập hợp lệ bà D để tham gia tố tụng tại phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà vẫn vắng mặt không lý do. Tại phiên tòa, bị đơn bà Lý Thị Mỹ D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà D.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Ông Lâm Minh T xác định ông và bà Lý Thị Mỹ D chung sống như vợ chồng từ năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, thành phố Cần Thơ, đăng ký ngày 27/3/2014. Hôn nhân của ông T và bà D tuân thủ các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên pháp luật công nhận quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà D là hợp pháp. Theo nội dung đơn khởi kiện và ý kiến trình bày trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, ông Lâm Minh T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với bà D với lý do thời gian đầu sau khi kết hôn thì ông và bà D chung sống hạnh phúc nhưng đến thời gian gần đây thì hai bên bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày, thường xuyên cãi nhau dẫn đến mâu thuẫn gay gắt, đời sống hôn nhân không hạnh phúc và đã sống ly thân từ năm 2024 cho đến nay. Từ khi ông Lâm Minh T chính thức xin ly hôn đến nay nhưng hai bên không tìm biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Đối với bị đơn bà Lý Thị Mỹ D, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tống đạt các tài liệu, chứng cứ mà bên nguyên đơn cung cấp và thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho bà D biết nhưng ông không có ý kiến phản đối gì và cũng bà Diệu B1 ý kiến gì cho Tòa án. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa ông Lâm Minh T và bà Lý Thị Mỹ D đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông Lâm Minh T được ly hôn với bà Lý Thị Mỹ D.

[3]. Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung:

+ Về con chung: Ông Lâm Minh T xác định trong thời gian chung sống ông và bà D có 03 người con chung là Lâm Gia B, sinh ngày 25/11/2013; Lâm Bảo M, sinh ngày 18/6/2017 và Lâm Thị Ngọc Y, sinh ngày 16/4/2010 hiện nay các con chung

đang sống chung với ông T. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Lâm Minh T xác định từ khi ông và bà D sống ly thân thì ông là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu B, cháu M và cháu Y, hiện nay các cháu vẫn đang chung sống với ông T nên ông xin được quyền trực tiếp nuôi dưỡng các con chung đến khi thành niên, không yêu cầu bà D cấp dưỡng nuôi con chung. Xét điều kiện, hoàn cảnh thực tế ông T và bà D đã không còn chung sống với nhau từ khi ly thân cho đến nay, trong khoảng thời gian này cháu B, cháu M và cháu Y chung sống với ông T, do ông trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, cuộc sống của cháu đã ổn định; việc thay đổi điều kiện, hoàn cảnh sống sẽ làm ảnh hưởng đến tâm lý, tình cảm, sự phát triển bình thường về mọi mặt của cháu; đồng thời quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành ghi nhận ý kiến cháu B, cháu M và cháu Y thì nguyện vọng của các cháu xác định muốn sống chung với ông T. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu B, cháu M và cháu Y cho ông T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là cần thiết và phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Ngoài ra căn cứ vào khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, dành quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung cho bà Lý Thị Mỹ D mà không ai được ngăn cản.

+ Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Trong qua trình giải quyết vụ án ông Lâm Minh T không có yêu cầu bà Lý Thị Mỹ D cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4]. Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án ông Lâm Minh T xác định ông và bà Lý Thị Mỹ D không có tài sản chung, ông không có yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5]. Về nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án ông Lâm Minh T xác định ông và bà Lý Thị Mỹ D không có nợ chung, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6]. Về án phí: Ông Lâm Minh T phải chịu án phí theo qui định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Bà Lý Thị Mỹ D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[7]. Như đã phân tích nêu trên xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 – Cần Thơ về đề nghị giải quyết về hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Ông Lâm Minh T được ly hôn với bà Lý Thị Mỹ D.

2. Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Giao các người con chung là cháu Lâm Gia B, sinh ngày 25/11/2013; cháu Lâm Bảo M, sinh ngày 18/6/2017 và cháu Lâm Thị Ngọc Y, sinh ngày 16/4/2010 cho ông Lâm Minh T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến khi thành niên; bà Lý Thị Mỹ D không phải cấp dưỡng nuôi con. Sau khi ly hôn bà Lý Thị Mỹ D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được ngăn cản.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lâm Minh T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0007011 ngày 23/10/2025 của Thi hành án dân sự, thành phố Cần Thơ. Như vậy, ông Lâm Minh T đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm; bà Lý Thị Mỹ D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày tống đạt hợp lệ bản án theo quy định pháp luật.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Cần Thơ (PGĐ, KT, TT và THA);
- VKSND Khu vực 9 – Cần Thơ;
- Cơ quan THADS Thành phố Cần Thơ;
- UBND xã Lịch Hội Thượng, Tp Cần Thơ;
- Các bên đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Hoàng Bảo